

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-07-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 127/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 07 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 3, xã S, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

+ Ông Nguyễn Văn B – Luật sư thuộc Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên B, Đoàn luật sư tỉnh Q; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Mai T; nơi cư trú: Khu phố K, phường Q, thị xã Q1, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Quý Q; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn*: Ông Trần Xuân H – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư T, Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 01 tháng 7 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Quý Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 06 tháng 4 năm 2012. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau về mặt tình cảm. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Bùi Quý Q.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Quý Q có một con chung là Bùi Quý D, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2012, con chung đang do chị nuôi dưỡng, chị xin tiếp tục nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung để hai bên tự thỏa thuận, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng chị chưa đề nghị Tòa án giải quyết. Nếu anh Q yêu cầu, chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có tài sản chung là diện tích đất 82 m² và 283 m² ở thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị không quản lý. Nguồn gốc đất là của bố mẹ chồng cho hai vợ chồng. Trên diện tích đất 283 m² có một nhà xây cấp bốn và công trình phụ của vợ chồng. Sau đó, chị M cũng không đề nghị giải quyết tài sản chung trong vụ án này.

Bị đơn là anh Bùi Quý Q trình bày :

Về điều kiện kết hôn, anh thống nhất như lời trình bày của chị M. Chị M xin ly hôn thì anh đồng ý. Anh thống nhất quan điểm về con chung như chị M trình bày. Vợ chồng có tài sản chung là diện tích đất 82 m² và 283 m² ở thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh không quản lý. Nguồn gốc đất là của bố mẹ chồng cho hai vợ chồng. Trên diện tích đất 283 m² có một nhà xây cấp bốn và công trình phụ của vợ chồng. Vợ chồng còn có một quyển sổ tiết kiệm 406.567.800 đồng do chị M đứng tên gửi ở Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Kiến An. Anh đề nghị được chia tài sản này và đề nghị giao đất cho anh, anh sẽ thanh toán tiền cho chị M. Vì nguồn gốc đất là của bố mẹ anh và bố mẹ anh hiện nay không còn nơi ở nào

khác vì đã cho hết đất cho các con. Anh và chị M còn có tài sản chung là chiếc xe máy nhưng anh rút yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe máy này. Tại phiên tòa, anh Q xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án này.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị M đề nghị Hội đồng xét xử cho chị M được ly hôn anh Q, giao con chung cho chị M nuôi dưỡng. Về tài sản chung giải quyết theo yêu cầu của chị M.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Q đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo yêu cầu của anh Q, đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của anh Q.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Quý Q. Giao con chung Bùi Quý D, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2012 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung để hai bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Đề nghị giải quyết theo yêu cầu của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là anh Bùi Quý Q đang cư trú tại xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Quý Q đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 06 tháng 10 năm 2012 tại Ủy ban nhân xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của đương sự, tài liệu điều tra xác minh đã xác định được mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Bùi Quý Q.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Quý Q có một con chung tên Bùi Quý D, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2012. Hiện nay chị M đang nuôi con

chung. Việc nuôi con chung của chị M đã ổn định, do đó căn cứ các điều 81, 82, 83, 33, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có đủ khả năng lao động hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị M, anh Q trình bày việc cấp dưỡng nuôi con chung để hai bên thỏa thuận tự giao nhận cho nhau nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M không có yêu cầu chia tài sản chung. Anh Q có đơn yêu cầu chia tài sản chung và đã làm thủ tục theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, anh Q rút yêu cầu chia tài sản chung là:

- Diện tích đất 82 m², thửa đất số 25, tờ bản đồ số 15, thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tên người sử dụng là ông Bùi Quý Q, vợ là Nguyễn Thị M, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00074 ngày 07 tháng 5 năm 2020 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp. Trên đất có một bức tường bao phía trước gạch babanh.

- Diện tích đất 283 m², thửa đất số 25A, tờ bản đồ số 15, thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tên người sử dụng là ông Bùi Quý Q, vợ là Nguyễn Thị M, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH00077 ngày 06 tháng 2 năm 2013 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp. Trên đất có một nhà ở một tầng, có bếp và nhà vệ sinh, sân, mái tôn, ngõ lán xi măng, nhà bán mái tôn, bể nước, cổng, trụ cổng, tường bao; 01 cây bưởi, 01 cây xoài, 02 cây cau, 01 cây hồng đỏ, 02 cây xoài to.

- Số tiền tiết kiệm là 406.567.800 đồng.

- Một xe máy nhãn hiệu Vision.

Anh Q rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung. Sau đó, chị M cũng không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử xăn cứ Điều 144 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử yêu cầu giải quyết về tài sản chung của anh Q trong vụ án này.

Các đương sự không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án, chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại anh Q số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 144 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Bùi Quý Q.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Quý Q có một con chung là Bùi Quý D, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2012. Giao con chung tên Bùi Quý D, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có đủ khả năng lao động hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu của anh Bùi Quý Q về việc chia tài sản chung là chiếc xe máy nhãn hiệu Vision; số tiền tiết kiệm là 406.567.800 đồng; diện tích đất 82 m², thửa đất số 25, tờ bản đồ số 15, thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tên người sử dụng là ông Bùi Quý Q, vợ là Nguyễn Thị M, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00074 ngày 07 tháng 5 năm 2020 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp; diện tích đất 283 m², thửa đất số 25A, tờ bản đồ số 15, thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tên người sử dụng là ông Bùi Quý Q, vợ là Nguyễn Thị M, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH00077 ngày 06 tháng 2 năm 2013 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp và các công trình xây dựng, vật kiến trúc trên đất.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004227 ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trả lại anh Bùi Quý Q số tiền tạm ứng án phí chia tài sản là 18.975.000 đồng (Mười tám triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) ,đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004262 ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M, anh Bùi Quý Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A ;
- UBND xã H, huyện A, Hải Phòng (GCN kết hôn số 28 ngày 06/4/2012);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Lý

